|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01Số **Số:**………………ôSóSS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**--------🖎🕮✍-------- |

**ĐƠN YÊU CẦU CUNG CẤP CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

Sau khi tìm hiểu đầy đủ về dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng do Viettel cung cấp, tôi/chúng tôi đề nghị Viettel cung cấp dịch vụ chứng thư số Viettel-CA theo các thông tin dưới đây:

**I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp**

1. **Tên giao dịch bằng tiếng Việt**

Tên giao dịch đầy đủ\*:

Trực thuộc:

1. **Thông tin của tổ chức, doanh nghiệp**

Quyết định thành lập số/Giấy phép ĐKKD\*:

Cấp ngày\*: ……………………………………….Nơi cấp\*:

Mã số thuế/Mã ngân sách/CMND \*:

1. **Địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp (theo quyết định thành lập/Giấy phép ĐKKD)**

Địa chỉ\*:

 Email giao dịch chính thức:

**II. Khách hàng cá nhân/Đại diện pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp**

Họ và tên\*:…………………………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*:……………………Ngày cấp\*:……………………Nơi cấp\*:

Hộ Khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………Di động:

Email:...:…………….................................Fax:

**III. Thông tin liên hệ trong trường hợp cần thiết**

Họ và tên\*:…………………………………………………Chức vụ:

Địa chỉ\*:

Điện thoại:..……………………………….Di động\*:

Email\*:..:……………...................................Fax:

**IV**. **Thông tin về chứng thư số Viettel-CA xin cấp:**

1. **Đối tượng xin cấp dịch vụ:**[ ]  Cá nhân [ ]  Tổ chức
2. **Thiết bị sử dụng dịch vụ:** [ ]  USB Token [ ]  Sim CA [ ]  HSM/Server

**Số điện thoại sử dụng Chứng thư số (***Trường hợp sử dụng SIM CA***):**

1. **Thời hạn sử dụng:**

 [ ]  1 năm [ ]  2 năm [ ]  3 năm

 *(Ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ tính từ ngày khách hàng được cấp Chứng thư số Viettel CA)*

  *………, ngày ...... tháng …... năm…….* **Người tiếp nhận yêu cầu** **Đại diện của tổ chức, doanh nghiệp**

 *(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**--------🖎🕮✍-------- |

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIETTEL-CA**

Hợp đồng số:………………………………

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số*[*130/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-130-2018-nd-cp-huong-dan-luat-giao-dich-dien-tu-ve-chu-ky-so-358259.aspx)*ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA (dưới đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được ký kết ngày ……...tháng…… năm…… tại…………………………….giữa:

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên A):**

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân\*:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ………………………… Số Fax:

Email\*:

Mã số thuế (*Tổ chức*)\*:

Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập/CMND số\*: …………………Nơi cấp\*…….……...cấp ngày\*:

Tài khoản:………………………………………………………………………………………………………...

Người đại diện (*Tổ chức*)\*: ………………………………….…Chức vụ:

CMND của người đại diện (*Tổ chức*)\*: …………………….…. Nơi cấp\*…….……...cấp ngày\*:

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (Gọi tắt là Bên B)**

**VIETTEL ………………- CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Địa chỉ: [địa chỉ chi nhánh]………………………………….………………………………………

Số điện thoại: [sđt chi nhánh]……………… Số Fax: [số fax chi nhánh] ……………………………

Số tài khoản: [stk chuyên thu của chi nhánh] Mở tại: [nơi mở tài khoản chuyên thu]……………………

Đơn vị thụ hưởng: **Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội**

Mã số thuế: [MST chi nhánh]

Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập số: ……………………....do……………...cấp ngày:

Người đại diện: ………………….……………Chức vụ: ………………….…………………….…

*(Theo ủy quyền số …………………..… ngày ……………. về việc Tổng Giám Đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ủy quyền cho Giám đốc Viettel Tỉnh/Thành Phố - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội)*

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (VIETTEL-CA) theo các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

* 1. "**Khóa**" là một chuỗi các số nhị phân (0 và 1) dùng trong các hệ thống mật mã.
	2. "**Khóa bí mật**" là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký số.
	3. "**Khóa công khai**" là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra chữ ký số được tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.
	4. "**Chữ ký số**" là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:

 a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa;

 b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

* 1. "**Chứng thư số**" là một dạng chứng thư điện tử do Bên B cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của Bên A, từ đó xác nhận Bên A n là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng.
	2. "**Chứng thư số có hiệu lực**" là chứng thư số chưa hết hạn, không bị tạm dừng hoặc bị thu hồi.

**ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

* 1. Bên A đăng ký sử dụng gói dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA (theo Phụ lục cung cấp chứng thư số VIETTEL-CA đính kèm).
	2. Hợp đồng bao gồm văn bản Hợp đồng và Phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

**ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

* 1. Chi tiết giá trị Hợp đồng được nêu tại Phụ lục đính kèm. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng.
	2. Các khoản tiền Bên A đã thanh toán cho bên B sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ.
	3. Trong trường hợp Bên A có nhu cầu nâng cấp gói dịch vụ, Bên A phải thanh toán cho Bên B khoản phí chênh lệch và các chi phí phát sinh khác tính tại thời điểm hiện hành (nếu có).
	4. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định hiện hành của Bên B.

[ ]  Thanh toán tiền mặt [ ]  Thanh toán chuyển khoản

* 1. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

**ĐIỀU 4: MỨC ĐỘ BẢO MẬT**

* 1. Hệ thống phân phối khóa cho Bên A phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.
	2. Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

**ĐIỀU 5: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ**

* 1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó;
	2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Bên B cấp;
	3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của Bên A (người ký) tại thời điểm ký.

**ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

* 1. Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
	2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số bao gồm:

 - *Đơn cấp chứng thư số theo mẫu*

 *- Giấy tờ kèm theo:*

 *+ Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;*

 *+ Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.*

* 1. Cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin liên quan đến Bên A trên Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng phục vụ cho quá trình cấp chứng thư và chịu trách nhiệm trước pháp luật với những thông tin này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên B các thay đổi, bổ sung thông tin nêu trên (nếu có);
	2. Có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
	3. Về hoạt động taọ khóa và phân phối khóa cho Bên A:

Bên A yêu cầu bên B tạo cặp khóa cho cho bên A. Trong trường hợp này, Bên B phải đảm bảo chuyển giao khóa bí mật đến bên A một cách an toàn.

Bên A tự tạo cặp khóa. Trong trường hợp này, bên A xác nhận đã đọc, hiểu, đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng, và cam kết tuân thủ, thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy định về việc tạo ra và lữu trữ cặp khóa. Bên A chịu trách nhiệm bồi thường cho bên B nếu không tuân thủ các tiêu chuẩn quy định về việc tạo ra và lữu trữ cặp khóa và gây thiệt hại cho Bên B.

* 1. Thông báo ngay cho Bên B trong vòng <24h nếu nghi ngờ hay biết rằng khóa bí mật, thiết bị chứa chứng thư số đã bị mất/lộ bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.
	2. Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.
	3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng chứng thư số cũng như mọi thiệt hại xảy ra do lỗi Bên A trong việc sử dụng/quản lý khóa bí mật và thiết bị chứa chứng thư số.
	4. Bên A có trách nhiệm sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp đúng mục đích; bảo mật thông tin, tài liệu Bên B cung cấp liên quan đến dịch vụ theo Hợp đồng này.
	5. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin sau:
1. Phí, lệ phí cho việc cấp và sử dụng dịch vụ, loại chứng thư số mà Bên A được cung cấp và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của bên A;
2. Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khoá bí mật; yêu cầu, điều kiện đảm bảo để sử dụng dịch vụ. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin, dữ liệu thuộc sở hữu của Bên A do bên Bên B quản lý, vận hành.
	1. Tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
	2. Bồi thường mọi thiệt hại cho Bên B và bất kỳ bên thứ ba nào khác có nguyên nhân phát sinh từ lỗi của Bên A.
	3. Dịch vụ Viettel-CA được bảo hành theo quy định của Bên B.

**ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

* 1. Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số... (loại chứng thư số) sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của Bên A là chính xác;
	2. Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số [130/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-130-2018-nd-cp-huong-dan-luat-giao-dich-dien-tu-ve-chu-ky-so-358259.aspx) .
	3. Tạo khóa và phân phối khóa cho Bên A:

- Bên A có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản Bên B tạo cặp khóa cho mình.

- Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến Bên A và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản.

- Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho Bên A.

- Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.

* 1. Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của Bên A liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của Bên A là liên tục.
	2. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho Bên A và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của Bên B.
	3. Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho Bên A theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
	4. Tiếp nhận thông tin:

Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ Bên A liên quan đến việc sử dụng chứng thư số (Điện thoại: 1800.8000 nhánh 1; Email: cskh@viettel.com.vn).

* 1. Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:

- Thông báo ngay cho Bên A, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của Bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Bên A;

- Khuyến cáo cho Bên A việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

* 1. Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới:

Trong thời gian tạm dừng, Bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

* 1. Khi bị thu hồi giấy phép, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Bên A.
	2. Bên B có quyền cung cấp thông tin của Bên A cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Pháp luật.
	3. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp cho Bên A khi có căn cứ theo quy định của Pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.
	4. Tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

**ĐIỀU 8: TẠM DỪNG CHỨNG THƯ SỐ, TẠM NGƯNG DỊCH VỤ**

* 1. Chứng thư số của Bên A bị tạm dừng trong các trường hợp sau đây:

a) Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được Bên B xác minh là chính xác;

b) Khi Bên B có căn cứ để khẳng định rằng chứng thư số được cấp không tuân theo các quy định về việc Tạo khóa, phân phối khóa và cấp chứng thư số hoặc khi phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A và người nhận;

c) Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Khi hai bên chưa thống nhất được về giá tiền dịch vụ mới so với quy định tại Hợp đồng này;

e) Trường hợp có sự cố khẩn cấp, hoặc theo yêu cầu của nhà nước bên B có quyền tạm ngưng cung cấp dịch vụ, và phải có thông báo với bên A trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tạm ngưng.

f) Theo điều kiện tạm dừng chứng thư số đã được quy định trong hợp đồng giữa Bên A và Bên B.

* 1. Khi có căn cứ tạm dừng chứng thư số, Bên B phải tiến hành tạm dừng, đồng thời, thông báo ngay cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

**ĐIỀU 9: THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ, CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

* 1. Chứng thư số của Bên A bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:
1. Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được Bên B xác minh là chính xác;
2. Khi Bên A là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc Bên A là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
3. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;
4. Theo điều kiện thu hồi chứng thư số đã được quy định trong hợp đồng.
	1. Khi có căn cứ thu hồi chứng thư số, Bên B có trách nhiệm thu hồi chứng thư số, đồng thời, thông báo ngay cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc thu hồi.
	2. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:
5. Hợp đồng hết hạn và các Bên không gia hạn Hợp đồng;
6. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
7. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
8. Do Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ, không thanh toán giá trị hợp đồng như quy định tại hợp đồng này.
	1. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được coi như là tự động thanh lý khi chấm dứt hợp đồng theo khoản 9.3 nói trên mà hai bên không xảy ra tranh chấp. Trường hợp Bên A sử dụng SIM CA và còn thời hạn chứng thư số, Bên A phải thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng tại quầy giao dịch của Bên B.

**ĐIỀU 10: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

* 1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
	2. Hợp đồng có thời hạn theo gói cước Bên A đăng ký. Trường hợp Hợp đồng hết hạn và Bên A có nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn, hai Bên sẽ hoàn tất thủ tục ký kết Phụ lục gia hạn Hợp đồng. Phụ lục cung cấp dịch vụ có xác nhận của Bên A được coi là căn cứ pháp lý để thanh toán và gia hạn hợp đồng.

**ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

**ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

* 1. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Bợp đồng này đều phải được các bên nhất trí và lập thành bổ sung Hợp đồng.
	2. Hợp đồng được lập làm thành 02 (hai) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN A***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01Phụ lục số: ………………….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**--------🖎🕮✍--------*………, ngày …… tháng …… năm …….* |
|  | **Mã cửa hàng/đại lý:……………………………..** |

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

*(Kèm Hợp đồng số: ……………………….…….., ngày ……. tháng ….. năm ….…..)*

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

Tên giao dịch đầy đủ\*:

Trực thuộc:

Quyết định thành lập số/Giấy phép ĐKKD\*:

Cấp ngày\*: ……………………………………….Nơi cấp\*:

Mã số Thuế\*:

Tài khoản:…………………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ (*ghi theo ĐKKD*)\*:

Email giao dịch chính thức:

**II. KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN/ ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….…Di động:

Email:...:……………..........................................Fax:

**III. THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ (***Trường hợp tổ chức giao cho cá nhân sử dụng***)**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….…Di động:

Email:...:……………..........................................Fax:

*Trường hợp tổ chức giao cho từ 2 cá nhân sử dụng trở lên cần bổ sung Danh sách cá nhân cấp chứng thư số trong tổ chức theo biểu mẫu đính kèm.*

**IV. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN BÀN GIAO DỊCH VỤ VÀ XÁC NHẬN THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ SỐ**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ\*:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….Email:...:…………….......................................................

Bên A đồng ý ủy quyền cho Ông/bà có tên nêu trên tiếp nhận bàn giao dịch vụ và xác nhận thông tin chứng thư số trong trường hợp đại diện hợp pháp của Doanh nghiệp không thể nhận bàn giao trực tiếp.

**V**. **THÔNG TIN YÊU CẦU CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

1. **Đối tượng xin cấp dịch vụ:** [ ]  Tổ chức [ ]  Cá nhân
2. **Thiết bị sử dụng dịch vụ:** [ ]  USB Token [ ]  Sim CA [ ]  HSM/Server

 **Số điện thoại sử dụng Chứng thư số (***Trường hợp sử dụng Sim CA***):**

1. **Thời hạn sử dụng:**

 Số tháng sử dụng theo gói cước: ….. tháng. (bằng chữ:…………………………………..…….tháng)

*Ghi chú:*

***(1)*** *Số tháng sử dụng được xác nhận theo Biên bản bàn giao dịch vụ và Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số Viettel-CA;*

***(2)*** *Ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ tính từ ngày khách hàng được cấp Chứng thư số Viettel-CA.*

**V. PHÍ THANH TOÁN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản mục** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tiền thuế GTGT** | **Cộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Gói cước Chứng thư số Viettel-CA |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị (nếu có ngoài gói cước) |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** |  |  |  |  |
| **Tổng cộng tiền thanh toán** |

*Bằng chữ:*

Phụ lục này là phần không thể tách rời của Hợp đồng, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẠI ĐIỆN BÊN B***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI LÝ/NHÂN VIÊN BÁN HÀNG***(Ký, ghi rõ họ tên,đóng dấu)* | **ĐẠI ĐIỆN BÊN A***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |